

QUYẾT TOÁN THU CHI CÁC KHOẢN THU HỘ, THU THỎA THUẬN
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 74 ngày 10 tháng 06 năm 2025)

TT	Tên khoản thu	Thực tế trường thu	Tổng	Nội dung chi	Tổng năm học	Tồn	Ghi chú
		Mức thu					
1	Chăm sóc bán trú	150.000đ/tháng/ trẻ	638,685,000	Chi tiền công GV, CBQL, NV,cô nuôi	613,085,400	0	
				Chi bảo hiểm cô nuôi	25,401,600		
				Phí quản lý tài khoản	198,000		
2	Tiền công thứ 7	114.000đ/ tháng/ trẻ	343,444,000	Dư đầu kỳ	6,450	1,400	
				Chi tiền công GV trực tiếp giảng dạy	327,481,570		
				Thuế TNDN	6,868,880		
				Văn phòng phẩm	698,600		
				Nước sạch	2,800,000		
				Điện sinh hoạt	5,600,000		
3	Tiền đồ dùng bán trú	50.000đ/ năm/ trẻ	18,675,000	Mua đồ dùng bán trú: Chiều, bát, thìa...	18,675,000	0	
4	Bảo Hiểm thân thể	200.000đ/năm/trẻ; 300.000đ/giáo viên, nhân viên, người thân	87,000,000	Bản giao tiền cho công ty bảo hiểm	87,000,000	0	

5	Tiền phụ phí	45.000đ/trẻ/ tháng	151,267,500	Chi tiền chất đốt, tẩy rửa, giặt chăn...	112,046,206	0	
				Chi tiền nước	18,030,400		
				Chi tiền điện	21,080,894		
				Phí chuyển tiền	110,000		
6	Vệ sinh môi trường	20.000đ/trẻ/tháng	67,230,000	Chi mua đồ dùng vệ sinh, giấy vệ sinh, chổi đốt, lau nhà, gang tay, lao công đồ rác...	67,230,000	0	
7	Đồ dùng đồ chơi, học liệu	Mức thu NT: 200.000đ/ năm/ trẻ; MG 3+4 tuổi: 280.000đ/trẻ/năm; MG 5 tuổi: 300.000đ/trẻ/năm	95,825,000	Chi tiền mua đồ dùng đồ chơi, học liệu, sách vở...	95,825,000	0	
8	Nước uống	7.000đ/tháng/trẻ	23.432.500	Chi tiền mua nước uống cho trẻ	23,432,500	0	

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Khuyên